

Quê: xã Bình Hòa Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

44. Lê Thái Bê, chuẩn úy, chính trị viên phó Đại đội 21 trinh sát, Quân khu 7, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh năm 1957, dân tộc Kinh;

Quê: xã Tế Tân, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

45. Vũ Trọng Cường, thượng sĩ, đại đội phó công binh, Quân khu 7, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh năm 1953, dân tộc Kinh;

Quê: xã Nam Hồng, huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh.

46. Huỳnh Vũ Hùng, chính trị viên xã đội xã Nhơn Hưng, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh năm 1955, dân tộc Kinh;

Quê: xã Nhơn Hưng, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

C. CÓ THÀNH TÍCH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

47. Trần Thế Lại, thiếu tá, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh năm 1933, dân tộc Kinh;

Quê: xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Bình Trị Thiên.

48. Bùi Văn Phụng, thượng úy, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh năm 1948, dân tộc Kinh;

Quê: xã Yên Mỹ, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam Ninh.

LỆNH của Chủ tịch nước số 188-LCT tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 26 đơn vị và 20 cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Công an nhân dân vũ trang và Công an nhân dân.

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp năm 1959;
Căn cứ vào quyết nghị số 782-NQ/QHK ngày 19-12-1979 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Nay tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 26 đơn vị và 20 cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Công an nhân dân vũ trang và Công an nhân dân, đã lập được nhiều thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Có danh sách của những đơn vị và cán bộ, chiến sĩ được tặng danh hiệu đính theo.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1979

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TÔN ĐỨC THẮNG

DANH SÁCH

26 đơn vị và 20 cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Công an nhân dân vũ trang và Công an nhân dân được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(kèm theo lệnh số 188-LCT ngày 20-12-1979)

A. ĐƠN VỊ

1. Lực lượng công an nhân dân vũ trang.

2. Công an nhân dân vũ trang tỉnh Bình Trị Thiên.

3. Công an nhân dân vũ trang tỉnh Nghệ Tĩnh.

4. Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

5. Công an nhân dân vũ trang tỉnh Quảng Ninh.

6. Trung đoàn 600 Công an nhân dân vũ trang.

7. Trung đoàn 12 Công an nhân dân vũ trang.

8. Đồn 193 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn (tuyên dương lần thứ hai).

9. Đồn 187 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn.

10. Đồn 179 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng.

11. Đồn 167 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng.

12. Đồn 133 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Hoàng Liên Sơn.

13. Đồn 1 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

14. Đồn 33 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

15. Đồn 209 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Quảng Ninh.

16. Đồn 155 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Hà Tuyên.

17. Đồn 829 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Kiên Giang.

18. Đồn 793 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Đồng Tháp.

19. Đồn 773 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Long An.

20. Đồn 649 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

21. Đại đội 11, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 16, Bộ tư lệnh Công an nhân dân vũ trang.

22. Đại đội 5 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn.

23. Đại đội 6 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Quảng Ninh.

24. Phân đội cơ động Đồn 805, Công an nhân dân vũ trang tỉnh An Giang.

25. Trạm cửa khẩu Đồn 171, Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng.

26. Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

B. CÁN BỘ, CHIẾN SĨ

1. Liệt sĩ Đỗ Sỹ Họa, sinh năm 1946, thượng úy, phó trưởng đồn 209 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Quảng Ninh.

Quê: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hải Hưng.

2. Liệt sĩ Lộc Viên Tài, sinh năm 1940, thượng úy, trưởng đồn 155 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Hà Tuyên.

Quê: xã Vĩ Thượng, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Tuyên.

3. Liệt sĩ Đỗ Chu Bỉ, sinh năm 1952, trung úy, đại đội phó Đại đội 6 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Quảng Ninh.

Quê: xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng.

4. Liệt sĩ Nông Văn Giáp, sinh năm 1945, trung úy, phó trưởng đồn 191 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn.

Quê: xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Liệt sĩ Nguyễn Vũ Tráng, sinh năm 1948, trung úy, chính trị viên phó đồn 1 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

Quê: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc.

6. Liệt sĩ Nguyễn Đình Thuận, sinh năm 1953, trung úy, đại đội trưởng Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 12, Bộ tư lệnh Công an nhân dân vũ trang.

Quê: xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ Tĩnh.

7. Liệt sĩ Võ Đại Huệ, sinh năm 1952, trung úy, đại đội trưởng Đại đội 11, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 16, Bộ tư lệnh Công an nhân dân vũ trang.

Quê: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

8. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hiền, sinh năm 1950, thiếu úy, cán bộ của Đồn 33 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

Quê: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

9. Liệt sĩ Hồ Đăng Khâm, sinh năm 1949, chuẩn úy, phó trưởng đồn 829 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Kiên Giang.

Quê: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh.

10. Liệt sĩ Quách Văn Rạng, sinh năm 1956, trung sĩ, trung đội phó thuộc Đồn cửa khẩu Lào Cai Công an nhân dân vũ trang tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Quê: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

11. Liệt sĩ Lê Minh Trường, sinh năm 1960, binh nhất, chiến sĩ Đại đội 5 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn.

Quê: đường Sơn Tây, tiểu khu Điện Biên, khu phố Ba Đình, thành phố Hà Nội.

12. Liệt sĩ Hoàng Kim Long, sinh năm 1959, binh nhất, tiểu đội phó Đồn 801

Công an nhân dân vũ trang tỉnh An Giang.

Quê: xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

13. Hoàng Văn Quân, sinh năm 1928, trưởng Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Quê: xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

14. Nguyễn Công Thuận, sinh năm 1951, thượng úy, đại đội trưởng Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 12, Bộ tư lệnh Công an nhân dân vũ trang.

Quê: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

15. Hoàng Văn Khoáy, sinh năm 1945, thiếu úy, đại đội phó Đại đội 3, Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng.

Quê: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

16. Lê Khắc Xuân, sinh năm 1953, chuẩn úy, đội phó Đội công tác cơ sở Đồn 133 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Quê: xã Thiệu Văn, huyện Đông Thiệu, tỉnh Thanh Hóa.

17. Lưu A Phừ, sinh năm 1950, chuẩn úy, tiểu đội trưởng Đồn 1 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

Quê: xã Tả Phình, huyện Sinh Hồ, tỉnh Lai Châu.

18. Tao Văn Tem, sinh năm 1956, thượng sĩ, trinh sát viên Đồn 1 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

Quê: xã Chà Tở, huyện Mường Lay, tỉnh Lai Châu.

19. Tông Văn Kim, sinh năm 1956, trung sĩ, tiểu đội trưởng Phân đội công binh Ban tham mưu Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

www.ThuVienPhapLuat.com
0964857
8463845684 *
LAWSOFT *
0964857

Quê: xã Noong Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

20. Nông Văn Phiao, sinh năm 1957, binh nhất, chiến sĩ Đại đội 5 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lạng Sơn.

Quê: xã Quốc Việt, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ số 390-TTg ngày 31-12-1979 về việc mở rộng nhanh diện tích trồng cao lương từ vụ xuân năm 1980.

Trong những năm qua, tình hình sản xuất cao lương ở nước ta có nhiều tiến bộ rõ rệt. Diện tích gieo trồng cao lương năm 1979 đạt 40 000 hécta, tăng 5,3 lần so với năm 1978. Tỉnh Cao Bằng, tuy năm nay mới bắt đầu trồng đã thu hoạch được trên 1500 hécta đạt năng suất bình quân 15 tạ/ha, có huyện đạt 20 tạ/ha.

Qua thực tiễn sản xuất ở các địa phương, bước đầu đã thấy rõ cây cao lương là cây lương thực quan trọng, có những ưu điểm như sau:

— Trồng được trên nhiều loại đất, kể cả đất ven suối, đất đồi, bãi;

— Có thể rải vụ gieo thành nhiều đợt trong vụ xuân và vụ hè thu; ngoài vụ chính có thể thu thêm vụ chét;

— Tốn ít giống: mỗi hécta chỉ cần khoảng 15 kg — 20 kg; có loại giống ngắn ngày, chỉ trên dưới 100 ngày đã được thu hoạch;

— Tốn ít công chăm sóc so với một số cây lương thực khác;

— Chịu hạn, chịu úng hơn cây ngô và năng suất vẫn cao hơn cây ngô;

— Giá trị dinh dưỡng của cao lương tương đương như ngô; v.v...

Hiện nay nhiều địa phương đang bị hạn nặng, sản lượng vụ đông khó đạt như dự kiến và diện tích gieo cấy vụ chiêm xuân khó bảo đảm kế hoạch.

Để tạo điều kiện khắc phục những khó khăn do hạn gây ra và khuyến khích việc mở rộng diện tích cao lương kịp vào đầu vụ xuân này, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện bố sung ngay vào kế hoạch năm 1980 của địa phương chỉ tiêu gieo trồng cao lương trong vụ xuân và vụ hè thu trên tinh thần triệt để tận dụng các loại đất có thể trồng cao lương (kể cả đất đồi, đất ven suối, và trên những diện tích lâu nay vẫn bỏ hóa vì thiếu nước gieo cấy v.v...). Trong kế hoạch trồng cao lương cần tính cả phần giao cho các lực lượng vũ trang và các lực lượng phi nông nghiệp khác như công nhân viên chức, học sinh, v.v...

2. Bộ Nông nghiệp cần chỉ đạo khẩn trương việc mở rộng nhanh diện tích trồng cây cao lương ở tất cả các địa phương trong cả nước ngay từ vụ xuân này, lấy các tỉnh trung du và miền núi, các tỉnh khu 4 cũ làm trọng điểm. Bộ Nông nghiệp phải khẩn trương huy động giống cao lương từ miền Nam ra để kịp phân phối trong tháng 1 năm 1980 cho các tỉnh miền Bắc.

Bộ Lương thực và thực phẩm, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà